BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ HỘI THỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Đường ĐT306: Vân Hội - Cầu Bì La	Tiếp giáp ĐT 305	Cầu Thứa Thượng, xã Hội Thịnh	15.000	4.000	800	7.300	2.000	600	5.500	1.500	500	47	12	19	631
		Cầu Thứa Thượng	Đến hết địa phận xã Duy Phiên cũ	9.000	4.000	800	6.200	2.700	600	4.600	2.100	500				
2	Đường huyện ĐH 23 (Duy Phiên- Thanh Vân cũ)	Ngã ba đi đường ĐT306	Ngã ba giao đường QL2C (nhà máy bê tông)	10.000	7.000	800	6.400	4.400	600	4.800	3.300	500	19	614	16	9
		Tiếp giáp ĐT 306	QL2C (đi qua chợ Thanh Vân)	10.000	7.000	800	5.500	3.900	600	4.100	2.900	500	19	632	30	269
3	Đường huyện ĐH23B (ĐH23- ĐT306-ĐT 305)	Giao TL305	Hết thôn Đông, xã Duy Phiên	8.000	5.000	800	3.900	3.000	600	2.900	2.300	500	42	608	39	75
4	Đường huyện ĐH28B (ĐT306- QL2C-ĐH28) Đoạn 1	Từ tiếp giáp ĐT306	Đến tiếp giáp đường QL2C	10.000	4.000	800	5.400	2.400	600	4.000	1.800	500	19	632	21	181
5	Đường liên xã Hoàng Lâu - Duy Phiên (nối TL305 với TL306 qua thôn Mai Nham)	Địa phận xã Duy Phiên cũ		8.000	5.000	800	3.100	3.000	600	2.300	2.300	500	41	269	33	567
6	Đường Duy Phiên- An Hòa, huyện Tam Dương	(Đoạn ĐT 306 (Km4 + 610) - ĐT 306 (Km6+610) Địa phận xã Duy Phiên		5.000	3.000	800	2.000	1.800	600	1.500	1.400	500	19	321	5	587
7	Đường Hoàng Đan - Duy Phiên (ĐT309 đi xã Duy Phiên)	Địa phận xã Duy Phiên cũ		5.000	3.000	800	3.400	2.100	600	2.600	1.500	500	12	291	9	85
8	Đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	địa phận xã Duy Phiên cũ		15.000	12.000	800	11.000	8.800	600	8.300	6.600	500	22	414	15	186
9	Đường Duy Phiên - Hoàng Lâu, huyện Tam Dương	Giao đường đi Hợp Thịnh - Đạo Tú	Thôn Mai Nham	7.000	4.000	800	4.100	3.200	600	3.100	2.400	500	27	467	31	482
10	Đường Tỉnh lộ 305	thuộc địa phận xã Hội Thịnh (từ tiếp giáp phường Vĩnh Yên đến tiếp giáp xã Hoàng An)		18.000	5.000	800	10.600	2.900	600	7.900	2.200	500	41	340	40	1
11	Khu đất dịch vụ, đấu giá, giãn dân thôn Chùa, xã Duy Phiên	Các ô đất tiếp giáp mặt đường TL306		17.000	8.000		4.500			3.400						
12	Khu đất đấu giá QSDĐ và giao đất ở đồng Canh Nông thôn Giữa, xã Duy Phiên	Các ô đất tiếp giáp mặt đường TL305		17.000	8.000		4.500			3.400						
13	Khu đất giãn dân, đấu giá QSDĐ tại đồng Cửa Chùa, thôn Chùa, xã Duy Phiên	Các ô đất tiếp giáp mặt đường TL306		17.000	8.000		4.500			3.400						
14	Khu dân cư đấu giá QSDĐ đồng Cổng Vôi, thôn Thượng	Các ô đất tiếp giáp mặt đường ĐH23		10.000	8.000		5.500	4.400		4.100	3.300					
15	Khu đất đấu giá QSDĐ và giao đất ở thôn Hạ, xã Duy Phiên, huyện Tam Dương cũ			17.000	8.000		4.500			3.400						
16	Khu đất dịch vụ, giãn dân và đấu giá QSDĐ tại xã Duy Phiên, huyện Tam Dương	Các ô đất đất tiếp giáp đường Hợp Thịnh - Đạo Tú (cũ)		18.000	12.000		12.600	8.400		8.800	5.900					
17	Quốc lộ 2C (Địa phận xã Hội Thịnh)	Tiếp giáp địa phận Phường Vĩnh Yên	Hết địa phận xã Hội Thịnh	25.000	8.000	900	19.600	6.300	700	14.700	4.700	500				
18	Đường huyện ĐH 23 (Duy Phiên- Thanh Vân)	Đoạn từ ngã năm đi đường ĐT306	đến Ngã ba giao đường QL 2C (Chợ Thanh Vân)	5.000	2.800	800	3.200	1.800	600	2.400	1.300	500	33	53	35	328
		Tiếp giáp ĐT 306	Ngã ba đi đường ĐT306	5.000	2.600	800	3.100	1.600	600	2.400	1.200	500				
		Tiếp giáp QL 2C	Tiếp giáp địa phận phường Định Trung	5.000	2.600	800	3.200	1.700	600	2.400	1.300	500				
19	Đường huyện ĐH28B (ĐT306- QL2C-ĐH28)	Từ tiếp giáp ĐT306	Đến tiếp giáp đường QL2C	4.000	3.000	800	2.200	1.900	600	1.600	1.400	500				
		Từ tiếp giáp QL2C	Đến tiếp giáp đường ĐH28 (QL2C-Xuân Trường)	4.000	3.000	800	1.400	2.300	600	1.100	1.700	500	11	142	14	48
20	ĐH28	Từ QL2C	Tiếp giáp địa phận phường Vĩnh Phúc	7.000	3.000	800	2.500	2.300	600	1.800	1.700	500	27	129	25	189
21	Khu đất đấu giá QSDĐ và giao đất ở khu đồng Gò Xoan, thôn Nhân Mỹ, xã Thanh Vân	Các ô đất tiếp QL2C		25.000	11.000		7.700	5.800		5.400	4.100					
22	Khu đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất ở Khu Đồng Lâu thôn Nhân Mỹ	Các ô đất tiếp giáp đường ĐH23		11.000			7.700			5.400						
23	Đường vành đai 2	Địa phận xã Thanh Vân cũ	Giáp Phường Vĩnh Phúc	11.000			7.700			5.400						
24	Khu tái định cư đường Vành đai 2			11.000			7.700			5.400						
25	Khu đất đấu giá QSDĐ và giao đất khu đồng Trũng Quán, Đồng Ngoài	Các ô đất tiếp giáp đường QL2C		25.000	11.000		17.500	7.700		12.300	5.400					
26	Tỉnh lộ 305 (Địa phận xã Vân Hội) (không bao gồm các thửa đất nằm trong quy hoạch khu dân cư nông thôn mới)	Tiếp giáp địa phận phường Vĩnh Yên	Cổng UBND xã Vân Hội (Cũ)	18.000	5.000	800	12.200	3.400	600	9.100	2.500	500	24	14	15	28
		Cổng UBND xã Vân Hội (Cũ)	Cầu Vân Tập	20.000	5.000	800	11.700	2.900	600	8.800	2.200	500	15	28	6	55
		Đoạn từ cầu Vân Tập	Đến hết địa phận xã Vân Hội (Cũ)	20.000	5.000	800	11.700	2.900	600	8.800	2.200	500	6	55	1	11
27	Đường huyện ĐH27 (Hợp Thịnh - Yên Bình) Từ QL2 (điểm đen) qua bờ hồ Hợp Thịnh đến ĐT305 (xã Vân Hội) (Đoạn 2)	Từ bờ hồ Hội Thịnh (giáp đường rẽ đi UBND xã Hội Thịnh)	Đến ĐT305 (xã Vân Hội cũ)	10.000	3.500	800	6.800	2.400	600	5.100	1.800	500	21	467	15	48
28	Đường từ tiếp giáp QL2C qua thôn Chấn Yên, xã Vân Hội đến ĐT306 (Thuộc địa phận xã Vân Hội)			8.000	3.000	800	5.100	2.100	600	3.800	1.500	500	11	294	17	70

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
29	Đường từ tiếp giáp với ĐT306 đến tiếp giáp với phường Đồng Tâm (đoạn đường bê tông đi UBND phường Đồng Tâm)	Từ tiếp giáp với ĐT306	Đến tiếp giáp với phường Đồng Tâm (đoạn đường bê tông đi UBND phường Đồng Tâm cũ)	8.000	3.000	800	5.500	2.100	600	4.100	1.500	500	18	362	17	122
30	Đường tỉnh lộ 306 (Địa phận xã Vân Hội)	Đoạn từ Tiếp giáp ĐT305	Đến hết địa giới xã Hội Thịnh (giáp thôn Đông xã Duy Phiên cũ)	15.000	4.000	800	8.800	2.300	600	6.600	1.800	500	16	541	3	51
31	Khu đất dịch vụ, giãn dân và đấu giá QSDĐ tại xã Vân Hội cũ – Đồng Cửa Minh (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường Tỉnh lộ 305).			9.000			1.300			1.000						
32	Khu đất đấu giá QSDĐ và giao đất ở tại khu đồng Vân Tập, thôn Vân Tập, xã Vân Hội cũ	Các ô đất tiếp giáp đường TL305		25.000	12.000		17.500	8.400		12.300	5.900					
33	Khu đất đấu giá QSDĐ và giao đất ở tại khu đồng Quán Trắng, thôn Chấn Yên, xã Vân Hội cũ	Các ô đất tiếp giáp đường TL306		20.000	11.000		14.000	7.700		9.800	5.400					
34	Đường giao thông từ ĐT 305 (Vân Tập) - ĐH 27 (Vân Sau), xã Vân Hội cũ			5.000			3.500			2.500			15	59	7	284
35	Đường giao thông xã Vân Hội, đoạn từ ĐT.305 - Vân Nội - Vân Sau - Vân Giữa, xã Vân Hội cũ			5.000			3.500			2.500			23	296	16	420
36	Đường giao thông xã Vân Hội đoạn từ ĐT 305 - Vân Sau - Vân Nội			5.000			3.500			2.500			16	509	15	90
37	Đường vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên, đoạn từ QL2C đến đường song song đường sắt tuyến phía Bắc (đoạn qua địa phận xã Vân Hội)			12.000			8.400			5.900			4	33	17	320
38	Khu đất đấu giá, giãn dân và tái định cư tại khu Đồng My, thôn Vân Tập, xã Vân Hội cũ			25.000			17.500			12.300						
39	Khu đất giãn dân đấu giá QSDĐ tại khu đồng My, thôn Vân Tập, xã Vân Hội cũ			25.000			17.500			12.300						
40	Khu đất giãn dân đấu giá QSDĐ tại khu đồng Cửa Đình, thôn Chấn Yên, xã Vân Hội			10.000			7.000			4.900						
41	Đường song song với đường sắt Hà Nội-Lào Cai (tuyến phía bắc), đoạn từ QL2C đến đường Hợp Thịnh - Đạo Tú. Địa phận: xã Vân Hội cũ			12.000			8.400			5.900			6	30	8	186
42	Khu dân cư nông thôn xã Vân Hội, địa điểm: Khu đồng Giàng thôn Vân Tập, đồng Vườn Dạ Trên, đồng Cống Kho, thôn Vân Nội, thôn Cống Tiết thôn Vân Sau, xã Vân Hội, huyện Tam Dương (các thửa đất tiếp giáp đường TL305)			25.000			17.500			12.300						
43	Khu dân cư nông thôn xã Vân Hội, huyện Tam Dương (khu Cống Kho, khu Cửa Thản) (các thửa đất tiếp giáp đường TL305)			25.000			17.500			12.300						
44	Khu đấu giá QSDĐ tại khu vực đồng Cửa Thản, Cửa Minh xã Vân Hội (nay là xã Hội Thịnh) (Các thửa đất tiếp giáp đường TL305)			25.000			17.500			12.300						
45	Khu dân cư nông thôn khu đồng Giàng thôn Vân Tập, xã Vân Hội(các thửa đất tiếp giáp đường TL305)			25.000			17.500			12.300						
46	Khu dân cư nông thôn xã Vân Hội: khu đồng Cửa Thản thôn Vân Nội xã Vân Hội (các thửa đất không tiếp giáp đường TL305)			9.000			6.300			4.400						
47	Khu ĐGQSD đất và giao đất Khu Vân Sau (Khu 1+Khu 2)	Các ô đất tiếp giáp TL305		25.000	12.000		17.500	8.400		12.300	5.900					
48	Quốc lộ 2 (Đoạn tiếp giáp địa phận TP.Vĩnh Yên đến hết địa phận xã Hợp Thịnh) (nay là xã Hội Thịnh)	Tiếp giáp địa phận phường Vĩnh Yên	Hết địa phận xã Hợp Thịnh cũ	28.000	5.000	800	20.500	3.700	600	15.400	2.800	500	12	14	23	1
49	Đường QL2 tránh TP Vĩnh Yên, địa phận xã Hợp Thịnh (nay là xã Hội Thịnh)			17.000	3.000	800	12.500	2.200	600	9.400	1.700	500	27	136	25	265
50	Quốc lộ 2C (Địa phận xã Hợp Thịnh (nay là xã Hội Thịnh)	Từ tiếp giáp QL2	đến hết thôn Lạc Thịnh	18.000	3.000	800	11.300	1.900	600	8.500	1.400	500	29	86	21	42
51	Đường huyện ĐH27 (Hợp Thịnh - Yên Bình)	Từ QL2 (điểm đen)	Đi qua bờ hồ Hợp Thịnh đến giáp ĐT 305	15.000	4.000	800	11.000	2.500	600	8.300	1.800	500	12	45		
52	Đường Hợp Thịnh - Đạo Tú (Thuộc địa phận xã Hợp Thịnh) (nay là xã Hội Thịnh)			15.000	12.000	800	11.000	8.800	600	8.300	6.600	500	19	351	8	1
53	Đường song song với đường sắt Hà Nội-Lào Cai (đường 24m)			12.000	4.000	1.200	7.000	2.300	1.000	5.300	1.800	700	6	30	8	186
54	Khu đất giãn dân, đấu giá, dịch vụ khu Đồng Giàn chiếu xã Hợp Thịnh			10.000			9.600			7.200						
55	Khu tái định cư thôn Lạc Thịnh (đường 13,5m)			10.000			7.000			5.300						
56	Đường trục xã: Bờ hồ Hợp Thịnh qua trụ sở UBND xã Hợp Thịnh (cũ) đến QL2A	Bờ hồ Hợp Thịnh qua trụ sở UBND xã Hợp Thịnh (cũ)	QL2A	12.000	4.000	1.200	6.600			5.000			16	634	10	733
57	Đường nối cụm KT- XH Hợp Thịnh đoạn từ QL2A đến đường tránh thành phố Vĩnh Yên			9.000	7.000	800	6.300	4.900	600	4.400	3.400	400	21	28	26	352
58	Khu QH giãn dân Đồng Cửa			6.000			4.200			2.900						
59	Khu QH giãn dân Đầu Cống			6.000			4.200			2.900						
60	Khu Giàn Chiếu QH năm 2003			6.000			4.200			2.900						
61	Đường nối từ đường ĐH27 từ nhà ông Thêm-Lâm đến nhà ông Đường - Sen (thôn Tân Thịnh)			6.000			4.200			2.900			10	714	5	332
62	Khu đất đấu giá QSD đất và TĐC thôn Tân Thịnh			10.000			7.000			4.900						
63	Khu đất đấu giá xen ghép khu đồng Giàn Chiếu			15.000			10.500			7.400						
64	Khu đất đấu giá xen ghép khu đồng cửa			10.000			7.000			4.900						
65	Khu đất đấu giá Khu Cái Ngang, thôn Lạc Thịnh	Từ ô đất ĐG 01 đến ô đất ĐG 58		10.000			7.000			4.900						
		Các ô còn lại		8.000			5.600			3.900						